

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI**

(Bản Hướng dẫn chấm thi gồm 02 trang)

**A. Hướng dẫn chung**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng, nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong Hướng dẫn chấm thi, thì vẫn cho đủ điểm như Hướng dẫn quy định.
2. Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với Hướng dẫn chấm thi và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 điểm (lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm; lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm).

**B. Đáp án và thang điểm**

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
<b>I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)</b>			
<b>I</b> (3,0 đ)	<b>1</b>	<b>Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc.</b>	<b>1,50</b>
		- Nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng.	0,25
		- 4 cánh cung núi lớn, chụm lại ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và đông.	0,50
		- Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.	0,25
		- Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của các thung lũng sông.	0,25
	- Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.	0,25	
<b>2</b>	<b>Nguồn lao động nước ta có những thế mạnh gì? Tại sao việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay?</b>	<b>1,50</b>	
	<b>a) Nguồn lao động nước ta có những thế mạnh gì?</b>	<b>1,00</b>	
	- Lao động dồi dào.	0,25	
	- Mỗi năm có thêm hơn 1 triệu lao động.	0,25	
	- Cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất.	0,25	
- Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.	0,25		
<b>b) Tại sao việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay?</b>	<b>0,50</b>		
- Thất nghiệp còn nhiều.	0,25		
- Tình trạng thiếu việc làm vẫn còn gay gắt.	0,25		
<b>II</b> (2,0 đ)	<b>1</b>	<b>Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta.</b>	<b>1,00</b>
		- Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế, vùng chuyên canh và các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất quy mô lớn.	0,25
		- Việc phát huy thế mạnh của từng vùng đã dẫn tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.	0,50
	- Hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm.	0,25	
	<b>2</b>	<b>Hoạt động xuất khẩu của nước ta có những chuyển biến tích cực như thế nào trong thời kì Đổi mới?</b>	<b>1,00</b>
		- Kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng.	0,25
- Các mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú, gồm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp; hàng nông, lâm, thủy sản.		0,50	
- Thị trường xuất khẩu lớn nhất hiện nay là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.	0,25		

<b>III</b> (3,0 đ)	<b>1</b>	<b>Việc tăng cường hợp tác giữa Việt Nam với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển, đảo có ý nghĩa như thế nào?</b>	<b>1,00</b>														
		- Tạo ra sự ổn định trong khu vực.	0,50														
		- Bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta.	0,25														
		- Giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.	0,25														
	<b>2</b>	<b>Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện diện tích, năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm và nhận xét.</b>	<b>2,00</b>														
	<b>a) Vẽ biểu đồ</b>	<b>1,50</b>															
	- Hệ trục tọa độ	0,25															
	- Cột (có thể ghi hoặc không ghi số liệu ở trên đầu mỗi cột)	0,50															
	- Đường (có thể ghi hoặc không ghi số liệu ở trên đường)	0,25															
	- Chú giải và tên biểu đồ	0,50															
	(Có thể tham khảo biểu đồ dưới đây).																
	<table border="1"> <caption>DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Diện tích (Nghìn ha)</th> <th>Năng suất (Tạ/ha)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2005</td> <td>3826</td> <td>50,4</td> </tr> <tr> <td>2008</td> <td>3859</td> <td>53,6</td> </tr> <tr> <td>2010</td> <td>3946</td> <td>54,7</td> </tr> <tr> <td>2011</td> <td>4089</td> <td>56,7</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Năng suất (Tạ/ha)	2005	3826	50,4	2008	3859	53,6	2010	3946	54,7	2011	4089	56,7	
Năm	Diện tích (Nghìn ha)	Năng suất (Tạ/ha)															
2005	3826	50,4															
2008	3859	53,6															
2010	3946	54,7															
2011	4089	56,7															
	<b>b) Nhận xét</b>	<b>0,50</b>															
	- Diện tích và năng suất đều tăng.	0,25															
	- So với năng suất, diện tích tăng chậm hơn.	0,25															
<b>II. PHẦN RIÊNG - PHẦN TỰ CHỌN (2,0 điểm)</b>																	
<b>IV.a</b> (2,0 đ)	<b>Dựa vào bản đồ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của Atlas Địa lí Việt Nam, kể tên và nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp lớn.</b>	<b>2,00</b>															
	- Các trung tâm công nghiệp lớn: Hải Phòng, Nha Trang, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Cần Thơ, Cà Mau. (Nếu được mỗi trung tâm cho 0,25 điểm).	1,50															
	- Nhận xét: + Tập trung chủ yếu ở miền Nam; ít ở miền Bắc và miền Trung. + Gần nơi nguyên liệu phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn...	0,25 0,25															
<b>IV.b</b> (2,0 đ)	<b>Dựa vào bản đồ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Atlas Địa lí Việt Nam, kể tên và nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp rất lớn và lớn.</b>	<b>2,00</b>															
	- Các trung tâm công nghiệp rất lớn và lớn: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; Hải Phòng, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một. (Nếu được mỗi trung tâm cho 0,25 điểm).	1,50															
	- Nhận xét: + Tập trung ở miền Bắc và miền Nam. + Gần nơi có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn...	0,25 0,25															
<b>ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II + III + IV.a (hoặc IV.b) = 10,00 điểm</b>																	